

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:22/2021/HS-ST
Ngày 30- 03-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên.

Ông Trần Xuân Phú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2021/HSST ngày 04 tháng 03 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Lưu Xuân T (tên gọi khác: Hán Văn T), sinh năm 1990 tại Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn Tân N, xã Tư M, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con bà Lưu Thị T, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn Tân N, xã Tư M, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; vợ: Nông Thị Đ, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn Tân N, xã Tư M, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; con: Chưa có.

- Tiền sự: Không.

- Tiền án: Bản án số 06/2014/HSST ngày 16/01/2014 của TAND tỉnh Bắc Giang xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội cướp tài sản, 01 năm 06 tháng tù về tội “cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 năm tù. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/05/2019.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/11/2020 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (có mặt tại phiên tòa).

-Bi hai: Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn Đông K, xã Tư M, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (có mặt).

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Nông Thị Đ, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Tân N, xã Tư M, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 24/11/2020, Lưu Xuân T (tên gọi khác Hán Văn T) điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 98B3-447.81 dung tích 108,2cm³ là xe của gia đình T đi từ nhà lên thôn Bắc A, xã Tư M, huyện Y để mua đồ ăn sáng. Khi đi đến đoạn ngã ba đường liên xã thuộc địa phận thôn Đông K, xã Tư M, huyện Y, Thắng quan sát thấy có một người phụ nữ đang đứng ở trước cổng của một nhà cạnh chiếc xe đạp, trên tay trái có tiền và giấy tờ cầm nắm vào tay nắm xe đạp. Đó là bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960, ở thôn Đông K, xã Tư M, huyện Y đi đóng tiền bảo hiểm nhưng không gấp nên cầm giấy tờ và tiền ở tai trái (gồm 05 tờ mệnh giá 100.000 đồng) nắm vào tay nắm trái xe đạp, tay phải mở cổng vào nhà. Quan sát thấy đoạn đường vắng người qua lại, thấy bà D cầm tiền trên tay nắm xe đạp dễ giật, T nảy sinh ý định giật tiền của bà D, nên điều khiển xe mô tô quay lại áp sát vị trí bà D đang đứng. Khi xe mô tô đến ngang chỗ bà D đứng, T đỗ xe lại, rồi dùng tay phải giật được mấy tờ tiền trên tay trái của bà D sau đó nhanh chóng điều khiển xe mô tô bỏ chạy về phía trước đến một khu đất trống, thấy không có người đi lại, T đỗ xe bỏ số tiền vừa cướp được ra đếm thì thấy có 04 tờ mệnh giá 100.000 đồng. T cất giấu tiền vào túi quần rồi đi xe mô tô về nhà, cởi bỏ toàn bộ quần, áo, giày đang mặc trên người cất giấu vào đồng rom cạnh chuồng bò của gia đình. Toàn bộ số tiền cướp giật được, T dùng chi tiêu cá nhân hết.

Đối với bà Nguyễn Thị D, sau khi bị đối tượng cướp giật số tiền trên tay tại cổng nhà mình, bà đã làm đơn trình báo đến cơ quan điều tra công an huyện Y. Qua trích xuất camera an ninh tại thôn Đông K, xã Tư M thời điểm xảy ra vụ án, phát hiện hình đối tượng mặc áo khoác màu đỏ, quần dài, đội mũ bảo hiểm, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B3- 447.81 thực hiện hành vi phạm tội.

Biết hành vi phạm tội của mình bị phát hiện, ngày 28/11/2020, Lưu Xuân T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng đầu thú.

Ngày 29/11/2020, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lưu Xuân T tại thôn Tân N, xã Tư M, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang thu giữ tại đồng rom, sát chuồng bò: 01 đôi giày màu đen; 01 áo khoác màu đỏ loại có mũ gắn liền với thân áo; 01 quần dài màu xanh có hoa văn kẻ ô.

Ngày 25/11/2020, chị Nông Thị Đ (vợ T) nộp về cơ quan điều tra: chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B3- 447.81 là phương tiện T dùng thực hiện hành vi phạm tội.

Trong vụ án này, sau khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản, T không nói cho ai trong gia đình T biết đã thực hiện hành vi phạm tội, nên không có căn cứ điều tra xử lý.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 98B3- 447.81 Thắng dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, qua điều tra xác định là của chị Nông Thị Đ (vợ T), chị Đ không biết Thắng dùng làm phương tiện phạm tội. Ngày 06/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y trả chị Đ chiếc xe mô tô trên. Các vật chứng còn lại gồm: 01 đôi giày màu đen; 01 áo khoác màu đỏ loại có mũ gắn liền với thân áo; 01 quần dài màu xanh có hoa văn kẻ ô được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Y để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra Lưu Xuân T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản Cáo trạng số 22/CT-VKSYP ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Lưu Xuân T về tội “Cướp giật tài sản”, được quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo T khai nhận nội dung diễn biến sự việc như bản Cáo trạng nêu là đúng, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh, điều, khoản trên là đúng, không oan. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Nguyễn Thị D khai: Sau khi bị cướp giật bà có làm đơn báo công an và bị cáo T đã ra đầu thú về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bà đã được vợ của bị cáo T là chị Nông Thị Đ trả lại 400.000 đồng, nay bà không yêu cầu gì khác nữa. Bà đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chị Nông Thị Đ khai: Chị là vợ của bị cáo Lưu Xuân T, bị cáo T dùng xe mô tô biển kiểm soát 98B3- 447.81 là xe của chị đi và thực hiện hành vi cướp giật, chị không biết việc này, không liên quan. Sau khi bị cáo ra đầu thú bị cáo đã tác động chị và chị đã trả lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền là 400.000 đồng. Nay chị không có yêu cầu gì. Về xe mô tô biển kiểm soát 98B3- 447.81 chị đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y trả lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án vẫn giữ nguyên quyết định như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lưu Xuân T (tên gọi khác: Hán Văn T) phạm tội “Cướp giật tài sản”.

-Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lưu Xuân T từ 30 đến 35 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 28/11/2020.

-Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc áo khoác màu đỏ, 01 đôi giày màu đen, 01 quần dài màu xanh mà T mặc trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội.

-Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Yên Dũng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã truy tố; lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm. Có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 24/11/2020, tại đoạn đường liên xã khu vực trước công nhà bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1960, ở thôn Đông K, xã Tư M, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Lưu Xuân T (tên gọi khác Hán Văn T) là người có tiền án về tội cướp tài sản và cướp giật tài sản, có hành vi dùng xe mô tô phân khối lớn loại 108,2cm³ Biển kiểm soát 98B3-447.81 điều khiển đi trên đường áp sát bà Đỗ Thị D đang đứng trước công nhà để cướp giật 400.000 đồng của bà D đang cầm trên tay trái. Toàn bộ số tiền cướp giật được, T dùng chi tiêu cá nhân hết.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Lưu Xuân T phạm tội : “Cướp giật tài sản”, được quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự của Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 02 tháng 03 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang truy tố đối với Lưu Xuân T là đúng người, đúng tội.

Đối với chị Nông Thị Đ, không biết T sử dụng xe mô tô BKS 98B3-447.81 để

thực hiện hành vi phạm tội, nên không có căn cứ xử lý.

[3] Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho người dân. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất táo bạo, liều lĩnh ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác ngay trên đường phố nơi đông người và dùng thủ đoạn nguy hiểm là xe gắn máy làm phương tiện phạm tội, tiềm ẩn nguy cơ dễ gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại. Xét về tính chất vụ án là nghiêm trọng, bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức hành vi cướp giật tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm, chứng tỏ bị cáo có thái độ coi thường pháp luật. Do vậy, cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại, được người bị hại đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Xét về nhân thân: Bị cáo Lưu Xuân T có nhân thân xấu. Bản án số 06/2014/HSST ngày 16/01/2014 của TAND tỉnh Bắc Giang xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “cướp tài sản”, 01 năm 06 tháng tù về tội “cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 năm tù. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/05/2019.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo, trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Thắng là người có tiền án về tội cướp tài sản và cướp giật tài sản nhưng không lấy đó làm bài học, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội cướp giật tài sản với lỗi cố ý trực tiếp nên cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo với xã hội trong một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đề nghị Điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử bị cáo T từ 30 đến 35 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 28/11/2020 là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Ngày 30/12/2020, chị Nông Thị Đ vợ bị cáo T đã bồi thường số tiền 400.000 đồng cho bà Nguyễn Thị D. Bà D đã nhận tiền, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bà không có yêu cầu gì về việc bồi thường nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9]. Về vật chứng của vụ án:

Ngày 06/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng trả lại chị Nông Thị Đ: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu xanh, BKS: 98B3-447.81; 02 gương chiếu hậu và 01 đăng ký xe mô tô Honda Vision BKS: 98B3-447.81 theo quy định.

Đối với 01 chiếc áo khoác màu đỏ, 01 đôi giày màu đen, 01 quần dài màu xanh mà T mặc trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội là vật chứng của vụ án, không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với qui định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Hội đồng xét xử tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Xuân T (tên gọi khác: Hán Văn T) phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lưu Xuân T (tên gọi khác: Hán Văn T) 03 năm 01 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 28/11/2020.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc áo khoác màu đỏ, 01 đôi giày màu đen, 01 quần dài màu xanh mà bị cáo Thắng mặc trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện Y;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Biên Nguyễn Thị Tin

Nguyễn Thị Anh